

Số: 858 /QĐ-ĐT

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 06 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận tốt nghiệp đại học hệ chính quy

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-BGD&ĐT, ngày 15/08/2007 và Thông tư 57/2012/TT-BGD&ĐT, ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế 43;

Căn cứ Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 408/QĐ-ĐTĐHTN, ngày 22/04/2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 756/QĐ-ĐT, ngày 21/08/2013 và Quyết định số 604/QĐ-ĐT ngày 19/06/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông Lâm về sửa đổi khoản 2 và 3 điều 27 của quy định 756;

Căn cứ kết quả họp của Hội đồng xét tốt nghiệp trường ngày 24,25/06/2015;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp chính quy cho 559 sinh viên hệ đại học (546 sinh viên K43 (khóa học 2011-2015); 12 sinh viên K42 (khóa học 2010-2014); 01 sinh viên K41 (khóa học 2009-2013)) gồm:

1. Khoa Chăn nuôi – Thú y:

- 39 sinh viên K43 chuyên ngành Chăn nuôi thú y, ngành Chăn nuôi.
- 04 sinh viên K43 chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản, ngành Nuôi trồng thủy sản.
- 06 sinh viên K43 chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật, ngành Sư phạm kỹ thuật.

2. Khoa Quản lý tài nguyên:

- 92 sinh viên K43 và 01 sinh viên K42 chuyên ngành Địa chính Môi trường, ngành quản lý đất đai.
- 60 sinh viên K43 chuyên ngành Quản lý đất đai, ngành quản lý đất đai.

3. Khoa Nông học:

- 43 sinh viên K43 chuyên ngành Trồng trọt, ngành Khoa học cây trồng.
- 02 sinh viên K43 chuyên ngành Hoa viên cây cảnh, ngành Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan.

4. Khoa Lâm nghiệp:

- 33 sinh viên K43 chuyên ngành Nông lâm kết hợp, ngành Lâm nghiệp.
- 29 sinh viên K43 chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng, ngành Quản lý tài nguyên rừng.
- 35 sinh viên K43 chuyên ngành Lâm nghiệp, ngành Lâm nghiệp.

5. Khoa Môi trường:

- 79 sinh viên K43 chuyên ngành khoa học môi trường, ngành khoa học môi trường.

6. Khoa Kinh tế - Phát triển nông thôn:

- 29 sinh viên K43 và 01 sinh viên K41 chuyên ngành Khuyến nông, ngành Khuyến nông.
- 25 sinh viên K43 chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp, ngành Kinh tế nông nghiệp.
- 18 sinh viên K43 chuyên ngành Phát triển nông thôn, ngành Phát triển nông thôn.

7. Khoa Công nghệ sinh học – Công nghệ thực phẩm:

- 35 sinh viên K43 chuyên ngành Công nghệ sinh học, ngành Công nghệ sinh học.
- 04 sinh viên K43 chuyên ngành Công nghệ thực phẩm, ngành Công nghệ thực phẩm.
- 13 sinh viên K43 chuyên ngành Công nghệ sau thu hoạch, ngành Công nghệ sau thu hoạch.

8. Trung tâm Đào tạo và phát triển quốc tế:

- 11 sinh viên K42 chuyên ngành Khoa học và quản lý môi trường (Chương trình tiên tiến đào tạo bằng tiếng Anh).

(Có danh sách sinh viên theo từng chuyên ngành kèm theo)

Điều 2. Mọi chế độ của sinh viên được hưởng đến hết ngày 30/06/2015.

Điều 3. Các ông (bà): Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng CT- HSSV, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- ĐHTN (báo cáo);
- BGH (báo cáo);
- Điều 3 (thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. *Trần Văn Điền*

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH CHĂN NUÔI THÚ Y, NGÀNH CHĂN NUÔI
KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y**

(Kèm theo QĐ số: 858/QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153040034	Nguyễn Thị	Hậu	04/10/1993	Nữ	8,45	3,51	Giỏi
2	DTN1153040073	Nguyễn Như	Quỳnh	01/04/1993	Nữ	8,31	3,45	Giỏi
3	DTN1153040129	Nguyễn Thị Kiều	Trang	31/10/1993	Nữ	8,29	3,42	Giỏi
4	DTN1153040137	Đỗ Thị	Hà	05/01/1992	Nữ	8,20	3,38	Giỏi
5	DTN1153040140	Nguyễn Thị	Út	01/04/1993	Nữ	8,05	3,31	Giỏi
6	DTN1153040085	Nguyễn Thị	Thủy	05/03/1993	Nữ	8,06	3,30	Giỏi
7	DTN1153040125	Trần Thị	Thủy	28/12/1993	Nữ	8,04	3,23	Giỏi
8	DTN1153040147	Nguyễn Thị	Thùy	18/05/1993	Nữ	7,99	3,20	Giỏi
9	DTN1153040111	Triệu Thị	Hồng	20/01/1993	Nữ	7,84	3,14	Khá
10	DTN1153040019	Nguyễn Thị	Dậu	29/04/1993	Nữ	7,93	3,13	Khá
11	DTN1153040081	Nguyễn Bá	Thị	09/08/1993	Nam	7,78	3,12	Khá
12	DTN1153040070	Nguyễn Thị	Quyên	16/03/1993	Nữ	7,58	2,97	Khá
13	DTN1153040139	Phạm Thị	Ngọc	13/11/1993	Nữ	7,60	2,95	Khá
14	DTN1153150038	Hoàng Văn	Hưng	26/05/1992	Nam	7,56	2,94	Khá
15	DTN1153040122	Âu Xuân	Hữu	18/03/1993	Nam	7,54	2,91	Khá
16	DTN1153080047	Nguyễn Thị	Huyền	11/06/1992	Nữ	7,45	2,91	Khá
17	DTN1153040136	Lương Kim	Xinh	14/09/1993	Nữ	7,42	2,91	Khá
18	DTN1153040004	Trần Quốc	Anh	29/04/1993	Nam	7,58	2,89	Khá
19	DTN1153040013	Triệu Thị	Chăn	15/11/1992	Nữ	7,41	2,87	Khá
20	DTN1153040027	Lưu Thị	Duyên	29/10/1993	Nữ	7,50	2,85	Khá
21	DTN1153040090	Vì Thị	Tròn	17/02/1993	Nữ	7,37	2,84	Khá
22	DTN1153040121	Trịnh Văn	Tuấn	30/08/1993	Nam	7,38	2,81	Khá
23	DTN10530400123	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	14/06/1992	Nữ	7,38	2,79	Khá
24	DTN1153040142	Tạ Văn	Trọng	25/06/1993	Nam	7,36	2,79	Khá
25	DTN1153040114	Đặng Thanh	Chiêm	16/06/1993	Nữ	7,22	2,79	Khá
26	DTN1153040018	Lô Văn	Chung	05/07/1993	Nam	7,27	2,78	Khá
27	DTN1153040113	Hoàng Minh	Nguyệt	11/06/1993	Nữ	7,34	2,76	Khá
28	DTN1153040065	Đặng Văn	Phòng	24/03/1992	Nam	7,27	2,76	Khá
29	DTN1153040077	Lương Thị	Tâm	26/05/1993	Nữ	7,27	2,76	Khá
30	DTN1153040088	Nguyễn Văn	Toàn	02/09/1991	Nam	7,24	2,76	Khá
31	DTN1153040031	Đinh Thị Hồng	Hạnh	22/03/1993	Nữ	7,17	2,70	Khá
32	DTN1153040023	Nguyễn Văn	Dương	11/07/1993	Nam	7,14	2,69	Khá
33	DTN1153040148	Long Thị Thanh	Thủy	07/02/1993	Nữ	7,22	2,66	Khá
34	DTN1153040119	Lê Văn	Trọng	22/12/1993	Nam	7,10	2,64	Khá
35	DTN1153040060	Dương Văn	Ngọc	10/05/1991	Nam	7,03	2,61	Khá
36	DTN1153040104	Trần Đức	Vân	02/10/1992	Nam	7,00	2,59	Khá
37	DTN1153040083	Triệu Xuân	Thu	24/09/1993	Nữ	6,81	2,44	Trung bình
38	DTN1153040067	Dương Công	Phúc	11/06/1992	Nam	6,60	2,31	Trung bình
39	DTN1153040108	Nông Thúy	Hằng	10/02/1993	Nữ	6,59	2,25	Trung bình

(Ấn định danh sách: 39 sinh viên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN, NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y**

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153120006	Tạ Thị	Hoan	02/01/1993	Nữ	8,27	3,42	Giỏi
2	DTN1153120013	Nguyễn Thị	Lan	11/09/1993	Nữ	8,24	3,41	Giỏi
3	DTN1153120011	Nguyễn Thị Kim	Oanh	19/01/1993	Nữ	8,18	3,37	Giỏi
4	DTN1153120017	Đỗ Hoàng	Hiệp	10/06/1993	Nam	7,98	3,25	Giỏi

(Án định danh sách: 04 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH SƯ PHẠM KỸ THUẬT, NGÀNH SƯ PHẠM KỸ THUẬT
KHOA CHĂN NUÔI THÚ Y**

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153090006	Hoàng Thị	Hồng	23/03/1993	Nữ	8,04	3,33	Giỏi
2	DTN1153090002	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/09/1993	Nữ	8,01	3,26	Giỏi
3	DTN1153090004	Nông Kiều	Diễm	19/12/1993	Nữ	7,66	2,99	Khá
4	DTN1153090011	Ngũ Thị	Ngân	02/07/1992	Nữ	7,63	2,97	Khá
5	DTN1153040146	Phạm Thị Huyền	Trang	29/07/1993	Nữ	7,65	2,96	Khá
6	DTN1153090024	Nguyễn Thuỳ	Linh	15/05/1993	Nữ	7,52	2,91	Khá

(Ấn định danh sách: 06 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH ĐỊA CHÍNH MÔI TRƯỜNG, NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN**

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153180093	Đào Thị Mai	Thịnh	11/08/1993	Nữ	8,60	3,69	Xuất sắc
2	DTN1153180133	Đỗ Thị	Anh	20/10/1992	Nữ	8,32	3,50	Giỏi
3	DTN1153180167	Vãi Văn	Huyện	16/11/1992	Nam	8,26	3,46	Giỏi
4	DTN1153180180	Diêm Thị	Lý	10/05/1993	Nữ	8,35	3,41	Giỏi
5	DTN1153180099	Bùi Thị Thanh	Thùy	12/03/1993	Nữ	8,16	3,41	Giỏi
6	DTN1153180088	Đinh Thị	Thảo	15/08/1993	Nữ	8,17	3,39	Giỏi
7	DTN1153180092	Phan Thị	Thảo	24/05/1993	Nữ	8,21	3,36	Khá
8	DTN1153180137	Đào Tiên	Chức	02/03/1993	Nam	8,01	3,36	Giỏi
9	DTN1153180058	Nguyễn Văn	Minh	26/06/1993	Nam	8,24	3,34	Giỏi
10	DTN1153180105	Lê Thị Quỳnh	Trang	09/08/1993	Nữ	8,09	3,32	Giỏi
11	DTN1153180189	Vy Thị Hồng	Ngân	30/05/1993	Nữ	7,98	3,30	Giỏi
12	DTN1153070050	Đỗ Thuý	Quỳnh	28/03/1993	Nữ	8,03	3,29	Giỏi
13	DTN1153180068	Nông Thị Mỹ	Ngọc	13/12/1993	Nữ	8,04	3,26	Giỏi
14	DTN1153180192	Nguyễn Hồng	Ngọc	13/08/1993	Nữ	8,01	3,26	Giỏi
15	DTN1153180036	Lý Thị	Hiện	08/08/1993	Nữ	7,88	3,21	Giỏi
16	DTN1153180097	Vi Thị Huyền	Thương	21/03/1993	Nữ	7,90	3,20	Giỏi
17	DTN1053110002	Dương Thế Duy	Anh	20/11/1992	Nam	7,87	3,20	Giỏi
18	DTN1153180032	Nguyễn Thuý	Hằng	27/07/1993	Nữ	7,87	3,14	Khá
19	DTN1153180217	Nguyễn Thị	Thảo	06/01/1993	Nữ	7,87	3,11	Khá
20	DTN1153180101	Lý Ngọc	Tiên	04/06/1993	Nam	7,74	3,09	Khá
21	DTN1153110022	Ngô Trung	Hiếu	08/07/1993	Nam	7,70	3,09	Khá
22	DTN1153180156	Dương Thị Hồng	Hạnh	08/03/1993	Nữ	7,76	3,05	Khá
23	DTN1153180055	Dương Thị	Mai	18/09/1992	Nữ	7,71	3,05	Khá
24	DTN1153180049	Đoàn Thị Diệu	Linh	23/06/1993	Nữ	7,81	3,04	Khá
25	DTN1153180184	Phạm Thị Diễm	My	18/01/1993	Nữ	7,63	3,04	Khá
26	DTN1153180243	Nguyễn Thị	Hạnh	01/12/1993	Nữ	7,62	3,04	Khá
27	DTN1153180114	Lê Quang	Tuân	23/01/1993	Nam	7,61	3,04	Khá
28	DTN1053180036	Lưu Xuân	Đang	15/10/1992	Nam	7,64	3,02	Khá
29	DTN1153180009	Vũ Ngọc	Anh	21/12/1993	Nữ	7,60	3,01	Khá
30	DTN1153180288	Ông A	Huân	18/12/1992	Nam	7,64	3,00	Khá
31	DTN1153180043	Dương Thị	Hường	12/05/1993	Nữ	7,58	2,99	Khá
32	DTN1153180153	Phạm Ngọc Tư	Duy	25/08/1993	Nam	7,54	2,99	Khá
33	DTN1153180027	Dương Thị	Giang	12/05/1993	Nữ	7,57	2,96	Khá
34	DTN1153180126	Đỗ Thị Kim	Anh	22/10/1993	Nữ	7,55	2,96	Khá
35	DTN1153180293	Nông Thị	Phương	28/12/1993	Nữ	7,50	2,96	Khá
36	DTN1153180091	Nông Thị	Thảo	15/03/1993	Nữ	7,49	2,96	Khá
37	DTN1153180041	Phùn Thị	Huệ	08/11/1993	Nữ	7,51	2,94	Khá
38	DTN1153180190	Bùi Trọng	Nghĩa	17/02/1993	Nam	7,49	2,91	Khá
39	DTN1153180040	Nguyễn Thị Bích	Hồng	10/12/1993	Nữ	7,56	2,89	Khá
40	DTN1153180321	Hà Thị Thu	Hằng	08/06/1993	Nữ	7,42	2,86	Khá
41	DTN1153180258	Lưu Huyền	Hạnh	15/12/1993	Nữ	7,41	2,85	Khá
42	DTN1153180193	Lê Thị Bình	Nguyên	10/03/1993	Nữ	7,44	2,84	Khá
43	DTN1153180207	Nguyễn Thị	Phượng	22/10/1993	Nữ	7,31	2,84	Khá
44	DTN1153180124	Lý Thị	Xuân	21/01/1991	Nữ	7,39	2,81	Khá
45	DTN1153070002	Lê Thị Châm	Anh	24/06/1993	Nữ	7,37	2,81	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
46	DTN1153180031	Nguyễn Kim	Hằng	16/10/1993	Nữ	7,28	2,81	Khá
47	DTN1153180199	Hà Thị	Nhung	26/02/1993	Nữ	7,28	2,80	Khá
48	DTN1153180188	Nguyễn Thị Thuỳ	Ngân	10/07/1993	Nữ	7,26	2,79	Khá
49	DTN1153110009	Nguyễn Như	Diệp	28/09/1993	Nam	7,29	2,77	Khá
50	DTN1153180052	Nguyễn Mỹ	Linh	23/01/1993	Nữ	7,27	2,77	Khá
51	DTN1153180285	Phạm Linh	Giang	12/08/1993	Nữ	7,31	2,76	Khá
52	DTN1153180115	Nguyễn Đình	Tuân	08/03/1993	Nam	7,31	2,76	Khá
53	DTN1153180176	Lê Thị Mỹ	Linh	10/03/1993	Nữ	7,22	2,76	Khá
54	DTN1153180028	Kiều Thủy	Giang	09/10/1993	Nữ	7,33	2,75	Khá
55	DTN1153180039	Lê Huy	Hoàng	20/01/1993	Nam	7,31	2,75	Khá
56	DTN1153180100	Chu Thị	Thuỳ	25/05/1993	Nữ	7,28	2,75	Khá
57	DTN1153180298	Ma Đức	Trọng	18/08/1993	Nam	7,24	2,75	Khá
58	DTN1153180183	Trần Tuấn	Minh	26/06/1993	Nam	7,26	2,74	Khá
59	DTN1153180069	Nguyễn Thảo	Nguyên	03/07/1993	Nữ	7,26	2,74	Khá
60	DTN1153180302	Hoàng Thị Mai	Lan	03/08/1993	Nữ	7,25	2,74	Khá
61	DTN1153180300	Nguyễn Anh	Vân	05/11/1993	Nữ	7,21	2,74	Khá
62	DTN1153180051	Hoàng Thị Khánh	Linh	25/07/1993	Nữ	7,28	2,72	Khá
63	DTN115310119	Trương Thị Ngọc	Anh	04/06/1993	Nữ	7,24	2,72	Khá
64	DTN1153180279	Nguyễn Thị	Hiếu	05/05/1993	Nữ	7,25	2,71	Khá
65	DTN1153180235	Vũ Hồng	Tuyên	23/08/1993	Nam	7,34	2,70	Khá
66	DTN1153180240	Phạm Thị Hải	Yến	06/09/1993	Nữ	7,20	2,70	Khá
67	DTN1153110018	Hoàng Minh	Hải	19/05/1993	Nam	7,14	2,70	Khá
68	DTN1153180096	Tạ Thị	Thương	24/12/1993	Nữ	7,14	2,69	Khá
69	DTN1153150015	Bùi Văn	Di	26/03/1992	Nam	7,21	2,67	Khá
70	DTN1153180062	Đinh Thị Kim	Ngân	02/01/1993	Nữ	7,08	2,67	Khá
71	DTN1053040093	Vương Văn	Thái	18/11/1992	Nam	7,15	2,66	Khá
72	DTN1053100002	Nguyễn Tuấn	Anh	05/08/1992	Nam	7,13	2,66	Khá
73	DTN1153180001	Đỗ Hồng	Anh	19/12/1993	Nữ	7,10	2,66	Khá
74	DTN1153180106	Nguyễn Thu	Trang	05/06/1993	Nữ	7,10	2,65	Khá
75	DTN1053110095	Đỗ Thanh	Hương	08/01/1992	Nữ	7,01	2,64	Khá
76	DTN1153180030	Chu Lệ	Hằng	28/09/1992	Nữ	7,12	2,62	Khá
77	DTN1153180282	Trần Quốc	Hiếu	26/08/1992	Nam	6,98	2,62	Khá
78	DTN1153180113	Lê Minh	Tuân	05/05/1993	Nam	6,88	2,62	Khá
79	DTN1153180035	Vương Thị	Hiền	08/08/1992	Nữ	7,03	2,61	Khá
80	DTN1153180044	Nguyễn Nam	Khánh	10/08/1993	Nam	7,15	2,59	Khá
81	DTN1153110266	Dương Thị	Hạnh	20/09/1993	Nữ	6,92	2,57	Khá
82	DTN1153180019	Nguyễn Trọng	Đạt	16/12/1993	Nam	7,02	2,56	Khá
83	DTN1153180251	Hoàng Văn	Chức	14/10/1991	Nam	6,92	2,56	Khá
84	DTN1153180248	Hoàng Văn	Tài	27/10/1990	Nam	6,91	2,56	Khá
85	DTN1153180267	Nông Thu	Hà	23/05/1993	Nữ	6,94	2,55	Khá
86	DTN1153180253	Mùa A	Tùng	09/10/1992	Nam	6,91	2,54	Khá
87	DTN1153180317	Đinh Khắc	Võ	18/10/1992	Nam	6,83	2,54	Khá
88	DTN1153180166	Nguyễn Tuấn	Hùng	22/11/1993	Nam	6,97	2,52	Khá
89	DTN1153040080	Nguyễn Hồng Phương	Thảo	23/03/1992	Nữ	6,84	2,52	Khá
90	DTN1153180134	Nguyễn Thành	Bắc	23/12/1993	Nam	6,89	2,51	Khá
91	DTN1153180255	Giảng A	Chua	07/06/1990	Nam	6,69	2,29	Trung bình
92	DTN1153180249	Sùng	Páo	11/08/1990	Nam	6,50	2,28	Trung bình
93	DTN1053180239	Hoàng Văn	Tiếp	07/03/1991	Nam	6,18	2,01	Trung bình

(Ấn định danh sách: 93 sinh viên)

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI, NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
KHOA QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN**

(Kèm theo QĐ số: 858/QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1154120052	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/04/1993	Nữ	8,40	3,54	Giỏi
2	DTN1154120004	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	01/03/1993	Nữ	8,36	3,54	Giỏi
3	DTN1154120144	Lùng Thị	Thu	24/02/1992	Nữ	8,06	3,36	Giỏi
4	DTN1154120059	Nguyễn Thị	Vân	20/03/1993	Nữ	8,01	3,33	Giỏi
5	DTN1154120129	Ngọc Thị	Trang	10/02/1993	Nữ	8,13	3,31	Giỏi
6	DTN1154120049	Tổng Thị	Thúy	29/12/1993	Nữ	8,07	3,29	Giỏi
7	DTN1154120069	Hà Thị Huyền	Chang	28/09/1992	Nữ	8,14	3,28	Giỏi
8	DTN1154120159	Hoàng Thị Thảo	Chinh	28/04/1993	Nữ	8,08	3,28	Giỏi
9	DTN1154120123	Phan Lê	Thảo	19/07/1993	Nữ	8,00	3,24	Giỏi
10	DTN1154120117	Trần Thị Trang	Nhung	18/08/1993	Nữ	7,96	3,24	Giỏi
11	DTN1154120108	Nguyễn Thị Thanh	Nga	10/10/1993	Nữ	8,08	3,21	Giỏi
12	DTN1154120019	Hà Đình	Hoàng	18/06/1992	Nam	7,87	3,21	Giỏi
13	DTN1154120030	Phạm Thuý	Linh	24/05/1993	Nữ	7,88	3,16	Khá
14	DTN1154120003	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	15/12/1993	Nữ	7,73	3,07	Khá
15	DTN1154120169	Hứa Thị	Thùy	09/05/1993	Nữ	7,69	3,07	Khá
16	DTN1054120192	Nguyễn Thị Thùy	Ninh	26/06/1992	Nữ	7,65	3,06	Khá
17	DTN1154120136	Phan Ngọc	Yến	20/08/1993	Nữ	7,80	3,05	Khá
18	DTN1154120140	Hoàng Thị Thương	Huyền	17/08/1993	Nữ	7,74	3,03	Khá
19	DTN1154120041	Nông Thị	Phuong	29/09/1993	Nữ	7,51	3,02	Khá
20	DTN1154120078	Đoàn Thùy	Dung	15/03/1993	Nữ	7,62	3,01	Khá
21	DTN1154120150	Hà Thị	Thứ	23/11/1992	Nữ	7,60	3,01	Khá
22	DTN1154120082	Nguyễn Thị	Duyên	12/11/1993	Nữ	7,63	2,97	Khá
23	DTN1154120176	Hoàng Văn	Quyết	19/08/1993	Nam	7,62	2,97	Khá
24	DTN1154120013	Hoàng Thị	Dịu	05/08/1993	Nữ	7,63	2,96	Khá
25	DTN1154120068	Ma Thị	Biển	04/10/1992	Nữ	7,57	2,95	Khá
26	DTN1154120138	Vũ Thị Thu	Hà	24/04/1993	Nữ	7,53	2,94	Khá
27	DTN1154120096	Lý Tà	Khé	16/08/1991	Nam	7,47	2,93	Khá
28	DTN1154120026	Lộc Bích	Lập	01/10/1993	Nữ	7,44	2,91	Khá
29	DTN1154120146	Liêu Thị	Thao	01/05/1992	Nữ	7,38	2,90	Khá
30	DTN1154120124	Hoàng Thị	Thu	15/08/1993	Nữ	7,36	2,89	Khá
31	DTN1154120083	Tạ Thị Hương	Giang	06/06/1993	Nữ	7,42	2,88	Khá
32	DTN1154120120	Lê Đình	Quát	02/08/1993	Nam	7,36	2,88	Khá
33	DTN1154120048	Hoàng Thị	Thúy	29/04/1993	Nữ	7,52	2,87	Khá
34	DTN1154120088	Nông thị	Hóa	27/10/1993	Nữ	7,46	2,87	Khá
35	DTN1154120183	Đào Thị Huyền	Trang	15/06/1993	Nữ	7,40	2,84	Khá
36	DTN1154120184	Chu Thị	Ngà	11/02/1993	Nữ	7,38	2,83	Khá
37	DTN1154120015	Lục Thị	Dung	20/01/1992	Nữ	7,35	2,78	Khá
38	DTN1154120142	Ân Thị	Hồng	19/09/1993	Nữ	7,31	2,77	Khá
39	DTN1154120016	Hoàng Văn	Duy	12/02/1992	Nam	7,36	2,76	Khá
40	DTN1154120098	Triệu Hồng	Lân	04/08/1993	Nữ	7,26	2,76	Khá
41	DTN1154120145	Hoàng Hạnh	Nhung	29/09/1992	Nữ	7,25	2,76	Khá
42	DTN1154120087	Nguyễn Văn	Hiếu	29/12/1993	Nam	7,20	2,76	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
43	DTN1154120070	Phạm Thị Huyền	Chang	11/03/1993	Nữ	7,30	2,74	Khá
44	DTN1154120028	Hà Thị	Linh	03/07/1992	Nữ	7,12	2,72	Khá
45	DTN1154120031	Nông Văn	Luận	06/10/1992	Nam	7,18	2,71	Khá
46	DTN1154120118	Vàng Văn	Ôn	06/05/1991	Nam	7,14	2,71	Khá
47	DTN1154120114	Chu Thị Hồng	Nhung	08/02/1993	Nữ	7,21	2,69	Khá
48	DTN1154120153	Hoàng Thị	Quy	15/02/1992	Nữ	7,09	2,66	Khá
49	DTN1154120137	Ngô Văn	Giang	04/03/1993	Nam	7,02	2,66	Khá
50	DTN1154120037	Hoàng Thị	Niệm	07/09/1993	Nữ	7,04	2,64	Khá
51	DTN1154120095	Nguyễn Hải	Huy	07/03/1993	Nam	6,97	2,59	Khá
52	DTN1154120097	Lương Thị	Lâm	03/06/1993	Nữ	6,96	2,59	Khá
53	DTN1154120181	Đinh Bá	Tân	10/08/1993	Nam	6,93	2,57	Khá
54	DTN1154120143	Nông Thị	Oanh	16/06/1990	Nữ	6,99	2,55	Khá
55	DTN1154120109	Phạm Thị	Nga	14/03/1992	Nữ	6,85	2,50	Khá
56	DTN1154120045	Ngân Văn	Thành	05/10/1992	Nam	6,73	2,44	Trung bình
57	DTN1154120035	Vương Thành	Ngọc	08/10/1991	Nam	6,24	2,12	Trung bình
58	DTN1154120044	Vi Văn	Thanh	06/07/1993	Nam	6,41	2,11	Trung bình
59	DTN1154120165	Đỗ Phương	Anh	04/04/1993	Nữ	6,09	2,11	Trung bình
60	DTN1154120010	Dương Tuấn	Đạt	23/12/1992	Nam	6,39	2,09	Trung bình

(Ấn định danh sách: 60 sinh viên) 

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH TRỒNG TRỌT, NGÀNH KHOA HỌC CÂY TRỒNG
KHOA NÔNG HỌC**

(Kèm theo QĐ số: 858/QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153070109	Lại Thị	Hiên	17/06/1993	Nữ	8,31	3,45	Giỏi
2	DTN1153070128	Nông Lương Thị	Bé	22/04/1993	Nữ	8,26	3,39	Giỏi
3	DTN1153070121	Dương Thị	Hương	25/03/1993	Nữ	8,07	3,33	Giỏi
4	DTN1153070064	Nguyễn Thị	Thương	28/03/1993	Nữ	8,03	3,29	Giỏi
5	DTN1153070111	Dương Thị Thuý	Linh	04/08/1993	Nữ	7,93	3,24	Giỏi
6	DTN1153070136	Bùi Thị Như	Hoa	03/05/1991	Nữ	7,90	3,22	Giỏi
7	DTN1153070112	Nguyễn Thị Hằng	Nga	02/02/1993	Nữ	7,69	3,11	Khá
8	DTN1153150073	Tân Mí	Sinh	22/09/1992	Nữ	7,63	3,07	Khá
9	DTN1153070082	Hoàng Mỹ	Duyên	27/11/1993	Nữ	7,62	3,06	Khá
10	DTN1153070068	Nguyễn Xuân	Trưởng	06/06/1993	Nam	7,71	3,05	Khá
11	DTN1153070088	Nông Thị Thu	Trang	16/11/1991	Nữ	7,63	3,02	Khá
12	DTN1153070115	Phạm Thị	Trang	03/09/1993	Nữ	7,59	3,01	Khá
13	DTN1153070144	Nguyễn Thị	Hiên	18/11/1992	Nữ	7,64	2,99	Khá
14	DTN1153070130	Trần Đức	Cảnh	13/03/1992	Nam	7,61	2,99	Khá
15	DTN1153070063	Vũ Thị	Thư	02/10/1993	Nữ	7,64	2,98	Khá
16	DTN1153070001	Hà Tuấn	Anh	01/03/1991	Nam	7,55	2,97	Khá
17	DTN1153070017	Lục Thúy	Dung	05/03/1993	Nữ	7,58	2,96	Khá
18	DTN1153070038	Luân Thị	Mai	19/05/1993	Nữ	7,57	2,96	Khá
19	DTN1153070103	Ngô Quỳnh	Nga	13/06/1993	Nữ	7,56	2,96	Khá
20	DTN1153070131	Nguyễn Thị	Thúy	02/03/1993	Nữ	7,46	2,96	Khá
21	DTN1153070062	Phạm Thị	Thu	18/06/1993	Nữ	7,56	2,91	Khá
22	DTN1153070060	Hoàng Thị	Thiện	26/01/1993	Nữ	7,39	2,84	Khá
23	DTN1153070138	Lý Thị	Thắm	24/08/1993	Nữ	7,37	2,83	Khá
24	DTN1153070101	Dương Văn	Quân	29/08/1993	Nam	7,35	2,83	Khá
25	DTN1153070089	Lô Thị	Lành	13/12/1993	Nữ	7,26	2,77	Khá
26	DTN1153070116	Đỗ Thu	Hà	13/01/1993	Nữ	7,29	2,76	Khá
27	DTN1153070034	Nông Thị	Liêu	09/07/1993	Nữ	7,28	2,74	Khá
28	DTN1153070129	Hàn Việt	Hùng	22/11/1993	Nam	7,27	2,74	Khá
29	DTN1153070031	Bàn Thị	Kiều	02/01/1993	Nữ	7,25	2,74	Khá
30	DTN1153070019	Lưu Anh	Dũng	14/12/1992	Nam	7,15	2,73	Khá
31	DTN1153070009	Nguyễn Hồng	Đại	14/10/1993	Nữ	7,15	2,73	Khá
32	DTN1153070110	Nguyễn Thị Diệu	Hoa	17/08/1993	Nữ	7,27	2,69	Khá
33	DTN1153070028	Hoàng Thị Ngọc	Huệ	29/10/1993	Nữ	7,14	2,68	Khá
34	DTN1153070061	Hoàng Thị	Thịnh	08/08/1993	Nữ	7,20	2,67	Khá
35	DTN1153070037	Nguyễn Thị	Lý	21/02/1993	Nữ	7,02	2,64	Khá
36	DTN1153070039	Vũ Quỳnh	Mai	11/03/1993	Nữ	7,01	2,62	Khá
37	DTN1153070143	Vũ Văn	Dũng	16/09/1993	Nam	7,05	2,61	Khá
38	DTN1153070119	Trần Anh	Đức	13/05/1993	Nam	7,01	2,58	Khá
39	DTN1153070090	Hoàng Thị	Liên	17/07/1991	Nữ	6,94	2,56	Khá
40	DTN1153070087	Hoàng Thị	Nguyệt	27/11/1992	Nữ	6,77	2,45	Trung bình
41	DTN1153070093	Thần Văn	Trai	03/02/1988	Nam	6,59	2,33	Trung bình
42	DTN1153080042	Lê Thị	Xuân	11/07/1993	Nữ	6,53	2,28	Trung bình
43	DTN1153070086	Nông Thị	Hoa	12/02/1990	Nữ	6,25	2,08	Trung bình

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH HOA VIÊN CÂY CẢNH, NGÀNH CÔNG NGHỆ RAU HOA QUẢ VÀ CẢNH QUAN
KHOA NÔNG HỌC**

(Kèm theo QĐ số: 858/QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153130012	Nguyễn Thị	Tho	08/04/1993	Nữ	7,52	2,89	Khá
2	DTN1153130009	Dương Văn	Mạnh	08/01/1993	Nam	7,47	2,88	Khá

(Ấn định danh sách: 02 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH NÔNG LÂM KẾT HỢP, NGÀNH LÂM NGHIỆP
KHOA LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 05 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153100056	Lường Thị	Quế	06/06/1993	Nữ	8,27	3,41	Giỏi
2	DTN1153100070	Trần Thị	Thảo	25/06/1993	Nữ	7,94	3,26	Giỏi
3	DTN1153100057	Ma Thị	Quế	21/03/1993	Nữ	7,87	3,19	Khá
4	DTN1153100030	Nông Đức	Huỳnh	14/11/1993	Nam	7,68	3,10	Khá
5	DTN1153100058	Nông Thị	Quý	13/03/1993	Nữ	7,77	3,09	Khá
6	DTN1153100071	Ma Thị	Thêu	25/02/1993	Nữ	7,65	3,04	Khá
7	DTN1153100010	Phùng Thị	Duyên	22/06/1993	Nữ	7,69	3,03	Khá
8	DTN115310120	Châu Thị	Hà	27/08/1993	Nữ	7,64	3,02	Khá
9	DTN1153100076	Hoàng Thị	Thuyền	04/02/1993	Nữ	7,60	3,01	Khá
10	DTN1153100072	Ma Thị	Thiện	11/10/1993	Nữ	7,62	2,96	Khá
11	DTN1153100032	Hoàng Chí	Khiêm	29/08/1993	Nam	7,50	2,94	Khá
12	DTN1153100095	Ngọc Thị Hồng	Nhung	11/09/1992	Nữ	7,46	2,94	Khá
13	DTN1153100050	Lường Thị	Nga	29/08/1993	Nữ	7,51	2,89	Khá
14	DTN1153100042	Phạm Thị	Ly	22/04/1992	Nữ	7,41	2,84	Khá
15	DTN1153100003	Triệu Mùi	Chiều	08/03/1993	Nữ	7,31	2,82	Khá
16	DTN1153100012	Trần Thị	Hạnh	10/11/1992	Nữ	7,29	2,80	Khá
17	DTN1153100034	Hoàng Thị Mỹ	Linh	25/03/1993	Nữ	7,34	2,79	Khá
18	DTN1153100055	Đặng Thị	Nhị	03/12/1993	Nữ	7,28	2,79	Khá
19	DTN1153100046	Doanh Hồng	Minh	09/06/1993	Nữ	7,28	2,77	Khá
20	DTN1153100024	Lò Thị	Hương	01/06/1993	Nữ	7,20	2,75	Khá
21	DTN1153100040	Hứa Thị	Luật	11/12/1993	Nữ	7,20	2,72	Khá
22	DTN1153100099	Dương Minh	Xuân	20/04/1990	Nam	7,19	2,71	Khá
23	DTN1153100049	Lý Thị	Na	21/04/1993	Nữ	7,13	2,66	Khá
24	DTN115310116	Thang Bảo	Ngọc	24/02/1993	Nam	7,07	2,65	Khá
25	DTN1153100043	Bế Thị	Mai	16/06/1992	Nữ	7,16	2,64	Khá
26	DTN1153100081	Trần Chiến	Trưởng	11/08/1993	Nam	7,05	2,59	Khá
27	DTN1153100092	Đặng Thị Thu	Tuyết	25/10/1993	Nữ	6,96	2,59	Khá
28	DTN115310113	Phạm Minh	Tâm	22/03/1992	Nam	7,03	2,56	Khá
29	DTN1153100100	Sùng Mí	Tùa	04/06/1990	Nam	6,96	2,54	Khá
30	DTN1153100065	Nông Thanh	Tâm	19/09/1993	Nữ	6,94	2,51	Khá
31	DTN1153100098	Lương Thị Thu	Huyền	23/06/1991	Nữ	6,85	2,51	Khá
32	DTN1153100104	Vì Văn	Minh	13/06/1988	Nam	6,54	2,35	Trung bình
33	DTN1153100105	Mua A	Khá	06/08/1990	Nam	6,31	2,14	Trung bình

(Ấn định danh sách: 33 sinh viên)

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG, NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN RỪNG
KHOA LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153160062	Hoàng Đức	Kinh	20/11/1992	Nam	8,21	3,46	Giỏi
2	DTN1153160038	Hoàng Thị	Hằng	01/10/1993	Nữ	8,18	3,33	Giỏi
3	DTN1153160040	Ma Thị	Hiên	23/02/1993	Nữ	8,09	3,32	Giỏi
4	DTN1153160053	Hoàng Thị	Hường	06/12/1993	Nữ	8,08	3,30	Giỏi
5	DTN1153160028	Nguyễn Quang	Dương	13/11/1993	Nam	7,98	3,24	Giỏi
6	DTN1153160021	Hoàng Văn	Diễn	22/04/1989	Nam	7,95	3,22	Giỏi
7	DTN1153160051	Nguyễn Văn	Hùng	21/09/1993	Nam	7,85	3,11	Khá
8	DTN1153160147	Lý Thị	Thương	09/02/1992	Nữ	7,77	3,09	Khá
9	DTN1153160010	Nguyễn Văn	Cát	01/07/1992	Nam	7,70	3,04	Khá
10	DTN1153160011	Hoàng Thị Ngọc	Châm	08/07/1991	Nữ	7,62	3,02	Khá
11	DTN1153160118	Phìn Thị	Với	11/08/1992	Nữ	7,65	3,01	Khá
12	DTN1153160111	Lộc Thị	Trinh	07/06/1993	Nữ	7,64	2,98	Khá
13	DTN1153160015	Bùi Thọ	Cường	16/08/1993	Nam	7,44	2,95	Khá
14	DTN1153160146	Giá Thị Thu	Hà	17/10/1993	Nữ	7,52	2,94	Khá
15	DTN1153160027	Nguyễn Công	Dương	09/03/1993	Nam	7,39	2,86	Khá
16	DTN1153160125	Nguyễn Thị Kim	Oanh	28/09/1993	Nữ	7,36	2,85	Khá
17	DTN1153160052	Bành Thúy	Hường	03/10/1993	Nữ	7,42	2,83	Khá
18	DTN1153160114	Hoàng Văn	Tuấn	10/09/1993	Nam	7,31	2,81	Khá
19	DTN1153160108	Lý Thị	Trang	23/03/1993	Nữ	7,36	2,79	Khá
20	DTN1153160074	Vũ Hải	My	16/08/1993	Nữ	7,30	2,79	Khá
21	DTN1153160035	Nguyễn Văn	Hải	08/06/1993	Nam	7,23	2,74	Khá
22	DTN1153160083	Bùi Thị	Phượng	01/06/1993	Nữ	7,21	2,72	Khá
23	DTN1153160126	Triệu Văn	Đạt	23/07/1993	Nam	7,14	2,72	Khá
24	DTN1153160039	Lộc Văn	Hào	18/01/1993	Nam	7,15	2,71	Khá
25	DTN1153160100	Hoàng Thị	Thom	03/08/1993	Nữ	7,15	2,69	Khá
26	DTN1153150055	Nguyễn Thành	Luân	12/03/1993	Nam	7,07	2,69	Khá
27	DTN1153160064	Hứa Văn	Lam	20/08/1993	Nam	7,19	2,67	Khá
28	DTN1153160107	Đỗ Thị	Trang	25/10/1993	Nữ	6,93	2,57	Khá
29	DTN1153160139	Vạ A	Lệnh	13/10/1989	Nam	6,78	2,49	Trung bình

(Ấn định danh sách: 29 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH LÂM NGHIỆP, NGÀNH LÂM NGHIỆP
KHOA LÂM NGHIỆP**

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 08 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153060054	Ma Công	Hùng	19/03/1993	Nam	8,30	3,48	Giỏi
2	DTN1153060112	Nguyễn Văn	Thuật	04/12/1993	Nam	8,21	3,44	Giỏi
3	DTN1153060183	Phan Thị	Dịu	01/01/1993	Nữ	8,24	3,40	Giỏi
4	DTN1153060038	Hoàng Lê Thu	Hà	02/09/1993	Nữ	7,96	3,22	Giỏi
5	DTN1153060179	Nguyễn Diệu	Nga	18/10/1993	Nữ	7,92	3,22	Khá
6	DTN1153060114	Nguyễn Thị	Thương	10/07/1993	Nữ	7,87	3,20	Giỏi
7	DTN1153060076	Hà Thị	Nga	03/08/1993	Nữ	7,75	3,14	Khá
8	DTN1153060057	Lộc Văn	Huy	04/07/1993	Nam	7,64	3,04	Khá
9	DTN1153060159	Ma Thị	Lan	19/06/1993	Nữ	7,72	3,02	Khá
10	DTN1153060172	Phạm Văn	Hải	26/05/1992	Nam	7,63	2,97	Khá
11	DTN1153060148	Nông Thị	Tuyển	09/04/1993	Nữ	7,63	2,97	Khá
12	DTN1153060116	Vũ Hoài	Thương	18/06/1993	Nữ	7,50	2,96	Khá
13	DTN1153060158	Lường Thị	Dân	08/09/1992	Nữ	7,43	2,89	Khá
14	DTN1153060146	Lại Thị Hải	Yến	21/12/1991	Nữ	7,38	2,87	Khá
15	DTN1153060106	Đặng Thị	Thấy	09/08/1993	Nữ	7,34	2,84	Khá
16	DTN1153060109	Trần Xuân	Thích	04/03/1993	Nam	7,33	2,84	Khá
17	DTN1153060111	Nguyễn Thị	Thơm	02/12/1992	Nữ	7,40	2,83	Khá
18	DTN1153060014	Phạm Mạnh	Chiến	08/07/1993	Nam	7,50	2,81	Khá
19	DTN1153060019	Hòa Cao	Đặng	10/09/1993	Nam	7,34	2,79	Khá
20	DTN1153060065	Nguyễn Thị	Lanh	29/08/1993	Nữ	7,34	2,79	Khá
21	DTN1153060027	Nguyễn Anh	Đức	04/04/1993	Nam	7,22	2,76	Khá
22	DTN1153060091	Hoàng Thị	Phương	26/05/1993	Nữ	7,31	2,75	Khá
23	DTN1153060092	Nguyễn Thị	Phương	30/07/1993	Nữ	7,25	2,75	Khá
24	DTN1153060104	Nông Thị	Thanh	27/10/1993	Nữ	7,23	2,75	Khá
25	DTN1153060130	Trần Văn	Trường	03/12/1993	Nam	7,32	2,74	Khá
26	DTN1153060093	Hà Mạnh	Quang	30/06/1993	Nam	7,21	2,74	Khá
27	DTN1153060118	Ma Thanh	Thuyết	13/12/1993	Nam	7,19	2,74	Khá
28	DTN1153060153	Trần Quang	Dũng	27/06/1993	Nam	7,17	2,74	Khá
29	DTN1153060103	Lê Thị Huyền	Thanh	24/10/1993	Nữ	7,12	2,74	Khá
30	DTN1153060170	Trần Thị Lan	Hương	04/08/1993	Nữ	7,13	2,73	Khá
31	DTN1153060123	Nông Văn	Toán	21/03/1993	Nam	7,13	2,70	Khá
32	DTN1153060075	Phan Hải	Nam	08/12/1993	Nam	7,14	2,69	Khá
33	DTN1153060021	Hoàng Thị	Diệu	28/01/1992	Nữ	6,95	2,63	Khá
34	DTN1153060064	Kiều Thị	Lan	10/01/1993	Nữ	7,06	2,61	Khá
35	DTN1153060117	Lê Thị	Thúy	20/09/1993	Nữ	7,06	2,61	Khá

(Ấn định danh sách: 35 sinh viên)

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG, NGÀNH KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG
KHOA MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153110196	Dương Thị Xuân	Kiên	17/03/1993	Nữ	8,56	3,61	Xuất sắc
2	DTN1153110036	Dương Thị Kim	Luyến	29/10/1993	Nữ	8,33	3,50	Giỏi
3	DTN1153110245	Phạm Thị Ngọc	Yến	22/07/1992	Nữ	8,13	3,43	Giỏi
4	DTN1153110217	Hoàng Thị	Nhung	13/10/1993	Nữ	8,19	3,39	Giỏi
5	DTN1153110157	Hà Thị	Tươi	21/07/1993	Nữ	8,19	3,32	Giỏi
6	DTN1153110158	Dương Thị Thanh	Viên	17/09/1993	Nữ	7,95	3,24	Giỏi
7	DTN1153110191	Vũ Thị	Hồng	24/08/1993	Nữ	7,95	3,23	Giỏi
8	DTN1153110178	Nông Thị Ngọc	Duyên	06/03/1992	Nữ	7,86	3,23	Giỏi
9	DTN1153110129	Trần Danh	Ngọc	20/05/1993	Nam	7,98	3,21	Giỏi
10	DTN1153110161	Nguyễn Thị Hải	Yến	25/01/1993	Nữ	7,89	3,20	Khá
11	DTN1153110225	Trịnh Thanh	Tâm	04/08/1993	Nữ	7,95	3,19	Khá
12	DTN1153110174	Nguyễn Thị	Dung	03/03/1993	Nữ	7,80	3,17	Khá
13	DTN1153110189	Đặng Thị	Hồng	27/03/1993	Nữ	7,93	3,16	Khá
14	DTN1153110141	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	18/05/1993	Nữ	7,87	3,16	Khá
15	DTN1153110233	Trần Thị	Thủy	02/06/1993	Nữ	7,97	3,14	Khá
16	DTN1153110055	Hoàng Mùi	Sinh	27/06/1991	Nữ	7,76	3,09	Khá
17	DTN1153110043	Ngô Quỳnh	Nga	02/08/1993	Nữ	7,70	3,09	Khá
18	DTN1153110038	Phạm Thị	Lý	30/12/1993	Nữ	7,80	3,08	Khá
19	DTN1153110082	Dương Minh	Tuyết	04/04/1993	Nữ	7,83	3,06	Khá
20	DTN1153110210	Hoàng Thị	Ngoạn	29/09/1992	Nữ	7,78	3,05	Khá
21	DTN1153110236	Đàm Thanh	Trung	29/03/1993	Nam	7,68	3,04	Khá
22	DTN1153110232	Phan Thị	Thúy	11/11/1993	Nữ	7,64	3,02	Khá
23	DTN1153110123	Đặng Trà	My	17/10/1993	Nữ	7,63	3,01	Khá
24	DTN1153110199	Đỗ Thị	Liên	18/07/1993	Nữ	7,66	2,99	Khá
25	DTN1153110016	Chu Thanh	Hà	23/08/1993	Nữ	7,58	2,99	Khá
26	DTN1153110014	Trần Thị Thủy	Dung	19/04/1993	Nữ	7,65	2,98	Khá
27	DTN1153110145	Nguyễn Thị	Thanh	10/09/1993	Nữ	7,56	2,95	Khá
28	DTN1153110197	Ma Thị	Kim	15/03/1992	Nữ	7,51	2,95	Khá
29	DTN1153110215	Bạch Thị	Nhị	10/04/1992	Nữ	7,47	2,92	Khá
30	DTN1153110128	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	21/11/1993	Nữ	7,53	2,91	Khá
31	DTN1153070126	Đinh Thị Lan	Hương	16/12/1993	Nữ	7,49	2,90	Khá
32	DTN1153110013	Lê Thị Thanh	Dung	04/12/1993	Nữ	7,47	2,90	Khá
33	DTN1153110271	Nguyễn Thị	Khuyên	24/01/1992	Nữ	7,42	2,89	Khá
34	DTN1153110265	Ngô Thị	Hương	27/01/1993	Nữ	7,35	2,88	Khá
35	DTN1153110202	Nguyễn Thị	Loan	23/12/1993	Nữ	7,48	2,87	Khá
36	DTN1153110059	Phạm Thị Phương	Thanh	17/05/1993	Nữ	7,42	2,84	Khá
37	DTN1153110235	Nghiêm Thị Huyền	Trang	18/09/1993	Nữ	7,30	2,84	Khá
38	DTN1153110220	Vũ Linh	Phương	07/04/1993	Nữ	7,37	2,83	Khá
39	DTN1153110132	Vương Thị Hồng	Nhung	02/11/1993	Nữ	7,31	2,83	Khá
40	DTN1153110056	Đào Anh	Tài	16/03/1992	Nam	7,33	2,81	Khá
41	DTN1153110070	Bùi Thị Thu	Trang	05/02/1992	Nữ	7,31	2,81	Khá
42	DTN1153110010	Nguyễn Thị	Điệp	15/12/1993	Nữ	7,44	2,80	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
43	DTN1153110057	Phạm Thị	Thắm	15/06/1993	Nữ	7,39	2,80	Khá
44	DTN1153110001	Nguyễn Thị	An	26/12/1993	Nữ	7,29	2,80	Khá
45	DTN1153110099	Phạm Thu	Hiền	08/12/1993	Nữ	7,28	2,80	Khá
46	DTN1153110198	Nguyễn Thanh	Liêm	12/09/1993	Nữ	7,36	2,79	Khá
47	DTN1153110230	Trần Thị	Thu	10/03/1993	Nữ	7,35	2,79	Khá
48	DTN1153110219	Nguyễn Thị	Phương	07/07/1993	Nữ	7,33	2,79	Khá
49	DTN1153110149	Nguyễn Văn	Thiện	10/10/1993	Nam	7,32	2,79	Khá
50	DTN1153110058	Nguyễn Xuân	Thắng	16/09/1993	Nam	7,31	2,79	Khá
51	DTN1153110027	Phùng Thị	Hương	02/07/1993	Nữ	7,27	2,78	Khá
52	DTN1153110164	Đổng Thị Phương	Anh	19/12/1993	Nữ	7,37	2,77	Khá
53	DTN1153110033	Nguyễn Thị	Lệ	26/05/1993	Nữ	7,34	2,76	Khá
54	DTN1153110085	Lương Thị	Xuân	04/03/1993	Nữ	7,31	2,76	Khá
55	DTN1153110006	Nguyễn Ngọc	Bích	11/11/1993	Nữ	7,30	2,75	Khá
56	DTN1153110229	Trần Thị	Thảo	30/11/1993	Nữ	7,20	2,75	Khá
57	DTN1153110207	Hà Thị	Ngân	22/03/1993	Nữ	7,32	2,74	Khá
58	DTN1153110031	Nguyễn Thành	Kiên	26/05/1993	Nam	7,23	2,74	Khá
59	DTN1153110093	Trịnh Đình	Dương	16/07/1993	Nam	7,26	2,73	Khá
60	DTN1153110032	Nguyễn Thị Ngọc	Lân	06/12/1993	Nữ	7,23	2,71	Khá
61	DTN1153110047	Tàng Thị	Nguyên	20/10/1993	Nữ	7,20	2,71	Khá
62	DTN1153110211	Dương Thị	Ngọc	15/08/1993	Nữ	7,14	2,68	Khá
63	DTN1153110188	Nguyễn Thị	Hòa	05/10/1993	Nữ	7,07	2,67	Khá
64	DTN1153110175	Hoàng Thị	Dương	28/11/1993	Nữ	7,10	2,66	Khá
65	DTN1153110124	Nguyễn Xuân	Nam	05/10/1993	Nam	7,06	2,66	Khá
66	DTN1153110274	Phạm Tùng	Lâm	30/04/1993	Nam	7,05	2,66	Khá
67	DTN1153110261	Ma Doãn	Tài	17/06/1991	Nam	7,00	2,66	Khá
68	DTN1153110008	Nguyễn Văn	Công	21/10/1993	Nam	7,13	2,65	Khá
69	DTN1153110203	Đoàn Thị	Lợi	09/10/1993	Nữ	7,06	2,65	Khá
70	DTN1153110125	Mai Thị Hằng	Nga	17/07/1992	Nữ	7,17	2,64	Khá
71	DTN1153110257	Lương Mạnh	Hùng	15/12/1992	Nam	7,09	2,64	Khá
72	DTN1153110267	Bùi Văn	Thành	06/04/1993	Nam	7,01	2,62	Khá
73	DTN1153110212	Hà Hồng	Ngọc	30/10/1993	Nữ	7,06	2,59	Khá
74	DTN1153110049	Phùng Thị	Nhi	02/06/1993	Nữ	7,03	2,59	Khá
75	DTN1153110200	Đỗ Khánh	Linh	24/05/1993	Nữ	6,89	2,55	Khá
76	DTN1153110111	Trần Đình	Hồng	10/08/1993	Nam	6,89	2,53	Khá
77	DTN1153110251	Vũ Hà	Khánh	08/03/1993	Nam	6,75	2,53	Khá
78	DTN1153110206	Trần Thị Thanh	Nga	15/02/1993	Nữ	6,91	2,52	Khá
79	DTN1153110103	Lôi Văn	Hiệu	24/12/1992	Nam	6,39	2,22	Trung bình

(Ấn định danh sách: 79 sinh viên)

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH KHUYẾN NÔNG, NGÀNH KHUYẾN NÔNG
KHOA KINH TẾ - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153080046	Nguyễn Văn	Thành	25/10/1993	Nam	8,30	3,43	Giỏi
2	DTN1153080054	Trần Thị	Quỳnh	04/11/1993	Nữ	8,21	3,41	Giỏi
3	DTN1153080056	Nông Tuyết	Phượng	04/06/1993	Nữ	8,14	3,32	Giỏi
4	DTN1153080068	Nguyễn Thị	Lụa	23/09/1993	Nữ	8,14	3,29	Giỏi
5	DTN1153080064	Lò Thị	Oanh	10/11/1993	Nữ	7,92	3,24	Giỏi
6	DTN1153080063	Hoàng Trần	Bình	10/12/1993	Nữ	7,86	3,22	Giỏi
7	DTN1153080067	Đinh Thị	Hằng	14/10/1993	Nữ	7,93	3,21	Giỏi
8	DTN1153080057	Dương Thị	Điểm	01/05/1992	Nữ	8,00	3,20	Giỏi
9	DTN1153080053	Nguyễn Thị	Hoa	05/05/1993	Nữ	7,80	3,14	Khá
10	DTN1053080027	Nguyễn Trang	Thư	21/11/1992	Nữ	7,69	3,05	Khá
11	DTN1153080043	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	21/12/1993	Nữ	7,58	3,02	Khá
12	DTN1153080061	Nguyễn Minh	Giang	20/12/1993	Nữ	7,47	2,93	Khá
13	DTN1153080004	Lương Văn	Doanh	22/01/1993	Nam	7,38	2,87	Khá
14	DTN1153080044	Lý Thị	Mười	23/11/1993	Nữ	7,40	2,83	Khá
15	DTN1153080012	Hoàng Hồng	Huế	25/02/1992	Nữ	7,21	2,80	Khá
16	DTN1153080041	Dương Văn	Tường	05/05/1991	Nam	7,41	2,79	Khá
17	DTN1153080036	Bế Thị	Thu	15/11/1993	Nữ	7,32	2,77	Khá
18	DTN1153080038	Trần Đức	Tiếp	29/10/1992	Nam	7,13	2,71	Khá
19	DTN1153080048	Hà Thị	Thương	07/04/1992	Nữ	7,22	2,69	Khá
20	DTN1153080050	Vàng A	Chìa	09/11/1992	Nam	7,17	2,64	Khá
21	DTN1153080059	Nguyễn Thị	Ngân	06/05/1993	Nữ	7,11	2,64	Khá
22	DTN1153080062	Đỗ Dạ	Thảo	07/03/1993	Nữ	7,07	2,61	Khá
23	DTN1153080025	Đoàn Thị Bích	Ngọc	26/12/1993	Nữ	7,01	2,60	Khá
24	DTN1153080020	Bàn Thị	Lương	23/03/1993	Nữ	7,17	2,59	Khá
25	DTN1153080015	Lý Phương	Khánh	02/01/1993	Nam	7,03	2,57	Khá
26	DTN1153080049	Vì Thị	Nghiên	05/06/1990	Nữ	7,12	2,56	Khá
27	DTN1153080008	Dương Thị	Hải	04/03/1992	Nữ	6,91	2,56	Khá
28	DTN1153080060	Đàm Thu	Thảo	11/11/1993	Nữ	6,95	2,51	Khá
29	DTN1153080001	Vàng Văn	Bun	12/06/1992	Nam	6,51	2,26	Trung bình
30	DTN0953080039	Chu Phương	Tuân	17/05/1989	Nam	6,53	2,25	Trung bình

(Ấn định danh sách: 30 sinh viên)

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP, NGÀNH KINH TẾ NÔNG NGHIỆP
KHOA KINH TẾ - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1154110057	Lý Thị	Chanh	18/03/1990	Nữ	7,59	2,97	Khá
2	DTN1154110042	Vì Thị	Thảo	20/01/1993	Nữ	7,58	2,91	Khá
3	DTN1154110084	Dương Thị	Huyền	14/03/1992	Nữ	7,48	2,88	Khá
4	DTN1154110082	Đinh Thị	Xuyên	02/10/1993	Nữ	7,48	2,86	Khá
5	DTN1154110065	Nguyễn Thị	Ngà	09/11/1993	Nữ	7,49	2,84	Khá
6	DTN1154110025	Tô Hương	Lan	30/10/1993	Nữ	7,44	2,84	Khá
7	DTN1154110051	Bùi Thị Ngọc	Tuyết	18/06/1993	Nữ	7,38	2,80	Khá
8	DTN1154110040	Trương Thị Hồng	Thắm	09/12/1993	Nữ	7,33	2,79	Khá
9	DTN1154110015	Nông Thị	Duyên	16/06/1993	Nữ	7,34	2,78	Khá
10	DTN1154110054	Phượng Thị	Thu	28/08/1991	Nữ	7,20	2,74	Khá
11	DTN1154110014	Hoàng Thị	Dung	11/04/1993	Nữ	7,20	2,69	Khá
12	DTN1154110019	Nông Thị	Hành	10/02/1992	Nữ	7,14	2,66	Khá
13	DTN1154110031	Hoàng Thị	Minh	28/08/1993	Nữ	7,09	2,66	Khá
14	DTN1154110047	Đặng Thị Huyền	Trang	20/10/1993	Nữ	7,08	2,66	Khá
15	DTN1154110086	Trần Thị	Thảo	25/09/1993	Nữ	7,08	2,63	Khá
16	DTN1154110056	Lò Thị Thu	Thùy	19/08/1992	Nữ	7,11	2,62	Khá
17	DTN1154110022	Hoàng Thị	Huyền	23/10/1993	Nữ	7,07	2,61	Khá
18	DTN1154110093	Lương Thị Lê	Huế	16/08/1993	Nữ	7,06	2,60	Khá
19	DTN1154110069	Trần Thị	Hường	05/10/1993	Nữ	7,03	2,59	Khá
20	DTN1154110058	Triệu Thị	Phương	13/10/1990	Nữ	7,03	2,56	Khá
21	DTN1154110030	Ma Hoàng	Mây	01/11/1993	Nữ	6,97	2,56	Khá
22	DTN1154110044	Thân Nhân	Thiện	05/09/1993	Nam	6,92	2,50	Khá
23	DTN1154110105	Mai Quốc	Bảo	11/02/1992	Nam	6,40	2,23	Trung bình
24	DTN1154110059	Triệu Văn	Hương	06/02/1992	Nam	6,43	2,14	Trung bình
25	DTN1154110036	Nông Thị	Phượng	04/09/1993	Nữ	6,17	2,03	Trung bình

(Ấn định danh sách: 25 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
KHOA KINH TẾ - PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1154140001	Thái Thị	Ánh	14/10/1992	Nữ	8,31	3,49	Giỏi
2	DTN1154140009	Nguyễn Thị	Dậu	16/10/1993	Nữ	8,07	3,34	Giỏi
3	DTN1154140035	Lò Thị Hồng	Vân	05/04/1993	Nữ	8,07	3,29	Giỏi
4	DTN1154140004	Dương Thị	Bích	13/03/1993	Nữ	8,05	3,29	Giỏi
5	DTN1154140022	Nguyễn Thị	Noa	16/06/1993	Nữ	8,05	3,29	Giỏi
6	DTN1154140020	Trần Thị Tuyết	Mai	10/01/1993	Nữ	7,78	3,11	Khá
7	DTN1154140011	Hoàng Thị	Dung	08/10/1993	Nữ	7,57	3,04	Khá
8	DTN1154140027	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/12/1993	Nữ	7,64	2,99	Khá
9	DTN1154140041	Ngôn văn	Vững	09/05/1993	Nam	7,42	2,86	Khá
10	DTN1154140043	Bế Văn	Hoàng	06/01/1992	Nam	7,45	2,85	Khá
11	DTN1154140036	Vý Thị	Vinh	10/09/1993	Nữ	7,26	2,81	Khá
12	DTN1154140030	Mã Văn	Thước	16/06/1993	Nam	7,33	2,78	Khá
13	DTN1154140032	Nguyễn Thị	Tư	02/09/1993	Nữ	7,31	2,77	Khá
14	DTN1154140023	Ma Thị	Oanh	10/11/1993	Nữ	7,24	2,63	Khá
15	DTN1154140018	Hoàng Văn	Huy	26/08/1991	Nam	7,08	2,62	Khá
16	DTN1154140014	Lương Nguyễn	Hiệp	14/02/1993	Nam	6,91	2,56	Khá
17	DTN1154140033	Lò Văn	Tuyền	03/01/1993	Nam	6,88	2,51	Khá
18	DTN1154140013	Nông Thị	Hiền	08/08/1993	Nữ	6,72	2,38	Trung bình

(Ấn định danh sách: 18 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC, NGÀNH CÔNG NGHỆ SINH HỌC
KHOA CÔNG NGHỆ SINH HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153150043	Phạm Thị	Hương	05/01/1993	Nữ	8,29	3,43	Giỏi
2	DTN1153150024	Đỗ Thị	Hào	20/10/1992	Nữ	8,17	3,34	Giỏi
3	DTN1153150064	Hoàng Sỹ	Nờ	19/08/1993	Nữ	8,01	3,29	Giỏi
4	DTN1153150069	Lê Thị	Phượng	24/11/1993	Nữ	8,05	3,26	Giỏi
5	DTN1153150062	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	26/05/1993	Nữ	7,99	3,24	Giỏi
6	DTN1153150006	Phạm Thế	Anh	30/06/1993	Nam	7,98	3,23	Giỏi
7	DTN1153150051	Đào Thị	Linh	10/04/1993	Nữ	7,93	3,19	Khá
8	DTN1153150050	Lý Thị	Liều	18/03/1993	Nữ	7,77	3,08	Khá
9	DTN1153150023	Nguyễn Thị Thu	Hằng	15/03/1993	Nữ	7,74	3,04	Khá
10	DTN1153150105	Hà Thị	Uyên	06/12/1993	Nữ	7,66	3,03	Khá
11	DTN1153150035	Đinh Thị	Huệ	22/01/1993	Nữ	7,62	3,00	Khá
12	DTN1153150071	Hoàng Thị Kim	Quyên	14/12/1993	Nữ	7,75	2,99	Khá
13	DTN1153150072	Nguyễn Thị	Quyên	04/05/1993	Nữ	7,64	2,98	Khá
14	DTN1153150096	Đặng Văn	Tân	04/10/1993	Nam	7,57	2,98	Khá
15	DTN1153150041	Nguyễn Thị	Hương	05/09/1993	Nữ	7,53	2,97	Khá
16	DTN1153150016	Nguyễn Thị Thanh	Dung	11/11/1993	Nữ	7,56	2,96	Khá
17	DTN1153150087	Hoàng Thị	Tròn	03/05/1993	Nữ	7,58	2,93	Khá
18	DTN1153150068	Hoàng thị	Phượng	20/03/1993	Nữ	7,44	2,89	Khá
19	DTN1153150058	Phan Thị	My	30/10/1993	Nữ	7,50	2,86	Khá
20	DTN1153150059	Vũ Hoài	Nam	26/10/1993	Nam	7,56	2,85	Khá
21	DTN1153150092	Hoàng Hải	Yến	03/12/1992	Nữ	7,33	2,85	Khá
22	DTN1153150018	Nguyễn Thị Thùy	Dương	27/03/1993	Nữ	7,48	2,84	Khá
23	DTN1153150028	Đỗ Như	Hoa	18/10/1993	Nữ	7,28	2,81	Khá
24	DTN1153150027	Phạm Thị	Hiệng	15/11/1993	Nữ	7,40	2,76	Khá
25	DTN1153150061	La Thị Bích	Ngọc	04/08/1993	Nữ	7,21	2,73	Khá
26	DTN1153150101	Hoàng Thị Thúy	Quỳnh	30/10/1993	Nữ	7,15	2,69	Khá
27	DTN1153150032	Lộc Tuấn	Hoạt	28/02/1991	Nam	7,06	2,64	Khá
28	DTN1153150004	Nguyễn Tuấn	Anh	14/03/1993	Nam	6,99	2,61	Khá
29	DTN1153150017	Mạc Văn	Dương	04/05/1993	Nam	6,97	2,58	Khá
30	DTN1153150005	Nguyễn Tuấn	Anh	10/09/1993	Nam	7,13	2,56	Khá
31	DTN1153150030	Lăng Văn	Hoàng	24/06/1993	Nam	7,02	2,54	Khá
32	DTN1153150020	Nguyễn Thị	Hà	10/10/1993	Nữ	6,88	2,53	Khá
33	DTN1153150040	Mông Thị	Hương	29/10/1993	Nữ	6,91	2,51	Khá
34	DTN1153150081	Lại Thị	Trang	15/07/1991	Nữ	6,65	2,33	Trung bình
35	DTN1153150074	Nguyễn Hoài	Son	30/04/1993	Nam	6,51	2,18	Trung bình

(Ấn định danh sách: 35 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM, NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM
KHOA CÔNG NGHỆ SINH HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**

(Kèm theo QĐ số: 858/QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153170010	Đồng Thị	Tới	18/11/1993	Nữ	7,92	3,29	Giỏi
2	DTN1153170002	Đặng Thị	Bình	05/09/1993	Nữ	7,56	3,00	Khá
3	DTN1153150082	Nguyễn Thị	Trang	24/08/1993	Nữ	7,30	2,74	Khá
4	DTN1153170009	Đàm Thị	Thương	09/10/1992	Nữ	6,96	2,56	Khá

(Án định danh sách: 04 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH, NGÀNH CÔNG NGHỆ SAU THU HOẠCH
KHOA CÔNG NGHỆ SINH HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM**
(Kèm theo QĐ số: 858/QĐ-ĐT ngày 30 tháng 08 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1153140018	Phan Thị	Hương	23/02/1993	Nữ	8,29	3,41	Giỏi
2	DTN1153140020	Dương Thu	Lan	17/04/1993	Nữ	8,21	3,34	Giỏi
3	DTN1153140006	Triệu Thị	Hường	05/01/1993	Nữ	8,11	3,34	Giỏi
4	DTN1153140015	Trần Thị	Hải	18/12/1993	Nữ	8,04	3,27	Giỏi
5	DTN1153140019	Trần Thị	Hiền	23/09/1993	Nữ	7,75	3,10	Khá
6	DTN1153140023	Nguyễn Thị Thu	Hoài	04/02/1993	Nữ	7,70	3,04	Khá
7	DTN1153140017	Phùng Thị Tuyết	Nhung	12/03/1993	Nữ	7,57	2,92	Khá
8	DTN1153140005	Hoàng Thị	Giang	04/01/1993	Nữ	7,51	2,86	Khá
9	DTN1153140008	Lê Thị	Lương	15/10/1993	Nữ	7,30	2,76	Khá
10	DTN1153140010	Phạm Ngọc	Ý	28/06/1993	Nam	7,23	2,74	Khá
11	DTN1153140011	Nguyễn Thị	Lựu	29/11/1993	Nữ	7,28	2,67	Khá
12	DTN1153150057	Phạm Thị Tuyết	Mai	30/10/1993	Nữ	6,95	2,54	Khá
13	DTN1153150088	Lương Thị	Tứ	17/10/1993	Nữ	6,83	2,45	Trung bình

(Ấn định danh sách: 13 sinh viên)



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH KHOA HỌC VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG
(CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN - ĐÀO TẠO BẰNG TIẾNG ANH)**

TRUNG TÂM ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ

(Kèm theo QĐ số: 858 /QĐ-ĐT ngày 30 tháng 06 năm 2015)

STT	Mã sinh viên	Họ Đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Điểm TBCTL Hệ 10	Điểm TBCTL hệ 4	Xếp loại TN
1	DTN1053040044	Đỗ Thị	Hiên	20/05/1992	Nữ	8,62	3,64	Xuất sắc
2	DTN1053180056	Trần Thị Lan	Hương	12/04/1992	Nữ	8,50	3,58	Giỏi
3	DTN1054140031	Nguyễn Thị Lan	Phương	17/10/1992	Nữ	8,38	3,48	Giỏi
4	DTN1053180074	Trần Văn	Nam	01/10/1992	Nam	8,17	3,30	Giỏi
5	DTN1053110170	Nguyễn Thanh	Tân	30/08/1992	Nữ	8,12	3,27	Giỏi
6	DTN1053110108	Dương Thị Thu	Huyền	30/10/1992	Nữ	7,89	3,16	Khá
7	DTN1054120166	Nguyễn Thị	Trang	24/07/1992	Nữ	7,86	3,15	Khá
8	DTN1054140237	Bunnag Natag-oy	Bonifacio	30/11/1993	Nam	7,71	3,05	Khá
9	DTN1053050060	Phạm Văn	Tùng	25/05/1992	Nam	7,66	3,05	Khá
10	DTN1053110065	Trần Thị Thúy	Hà	07/07/1992	Nữ	7,72	3,03	Khá
11	DTN1053110215	Mùi Minh	Tùng	18/08/1992	Nam	7,35	2,78	Khá

(Ấn định danh sách: 11 sinh viên)

